TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa
Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 879/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 801/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N - sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Năm Đảm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Mã Thành N1 - sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Nhà không số, đường A, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N và anh Mã Thành N1 đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện chị N và anh N1 đã sống ly thân khoảng 03 tháng. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị N và anh N1 có 02 người con chung tên Mã Thành L, sinh ngày 01/01/2011 và Mã Thành Nê, sinh ngày 04/12/2012. Hiện cháu L và cháu Nê đang sống chung với anh N1. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao 02 người con chung cho anh N1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mã Thành N1 được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh N1 vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Mã Thành N1 vắng mặt tại phiên tòa, đo đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Chị Lê Thị Hồng N và anh Mã Thành N1 đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Chị N cho rằng hiện chị và anh N1 đã sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh N1. Đối với anh N1 nhận được thông báo thụ lý, biết được yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn với anh N1, nhưng anh không có ý kiến phản đối. Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N1, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn với anh N1.

[3] Chị N và anh N1 có 02 người con chung tên tên Mã Thành L, sinh ngày 01/01/2011 và Mã Thành Nê, sinh ngày 04/12/2012. Hiện hai cháu L và Nê đang sống với anh N1. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao 02 người con chung cho anh N1 nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Giao cháu L và Nê cho anh N1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và anh N1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Chị N xác định chị và anh N1 không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N1 cũng không yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N, cho chị Lê Thị Hồng N ly hôn với anh Mã Thành N1.

Về con chung: Giao cháu Mã Thành L, sinh ngày 01/01/2011 và Mã Thành Nê, sinh ngày 04/12/2012 cho anh Mã Thành N1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/10/2019, chị N có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000919 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.